

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt mức hỗ trợ trồng rừng theo Quyết định số 38/2016/QĐ-TTg ngày 14/9/2016 của Thủ tướng Chính phủ trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa.

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Quyết định số 38/2016/QĐ-TTg ngày 14/9/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc Ban hành một số chính sách bảo vệ, phát triển rừng và đầu tư hỗ trợ kết cấu hạ tầng, giao nhiệm vụ công ích đối với các công ty nông, lâm nghiệp.

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Công văn số 2116/STC-TCDN ngày 26/5/2017; của Sở Nông nghiệp và PTNT tại Công văn số 1054/SNN&PTNT-LN ngày 18/4/2017 về việc ban hành mức hỗ trợ trồng rừng theo Quyết định số 38/2016/QĐ-TTg ngày 14/9/2016 của Thủ tướng Chính phủ,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt mức hỗ trợ trồng rừng theo Quyết định số 38/2016/QĐ-TTg ngày 14/9/2016 của Thủ tướng Chính phủ trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa, như sau:

I. TRỒNG RỪNG PHÒNG HỘ VÀ RỪNG ĐẶC DỤNG:

- Trồng rừng phòng hộ, đặc dụng tập trung do các chủ rừng Nhà nước trực tiếp quản lý; trồng rừng phòng hộ trên đất đã giao ổn định lâu dài cho các hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư và các tổ chức ngoài quốc doanh: Mức hỗ trợ 30.000.000 đồng/ha, chia theo các năm như sau:

Đơn vị tính: 1.000 đồng/ha

TT	Hạng mục tính	Trồng và chăm sóc rừng năm thứ nhất	Chăm sóc rừng		
			Năm thứ 2	Năm thứ 3	Năm thứ 4
	Tổng mức hỗ trợ theo năm	15.900,0	6.700	5.000	2.400
1	Chi phí trực tiếp (nhân công, vật tư)	15.010,0	6.700	5.000	2.400
2	Chi phí gián tiếp	890,0			
-	Khảo sát, thiết kế, lập dự toán	818,6			
-	Thẩm định	71,4			

II. TRỒNG RỪNG SẢN XUẤT: Hỗ trợ tổ chức, hộ gia đình, cá nhân và cộng đồng trồng rừng trên đất trống, đồi núi trọc được quy hoạch là rừng sản xuất.

1. Đối với các xã biên giới.

a, Trồng rừng kinh doanh gỗ lớn: 10.800.000 đồng, cụ thể:

Đơn vị tính: 1.000 đ/ha

TT	Hạng mục tính	Trồng và chăm sóc rừng năm thứ nhất	Chăm sóc rừng		
			Năm thứ 2	Năm thứ 3	Năm thứ 4
	Tổng mức hỗ trợ theo năm	10.500	100	100	100
1	Chi phí trực tiếp (nhân công, vật tư)	10.000			
2	Chi phí gián tiếp	500	100	100	100
-	<i>Chi phí khảo sát, thiết kế, ký hợp đồng</i>	300			
-	<i>Chi phí khuyến lâm.</i>	200	100	100	100

b, Trồng rừng kinh doanh gỗ nhỏ: 7.800.000 đồng, cụ thể:

Đơn vị tính: 1.000 đ/ha

TT	Hạng mục tính	Trồng và chăm sóc rừng năm thứ nhất	Chăm sóc rừng		
			Năm thứ 2	Năm thứ 3	Năm thứ 4
	Tổng mức hỗ trợ theo năm	7.500	100	100	100
1	Chi phí trực tiếp (nhân công, vật tư)	7.000			
2	Chi phí gián tiếp	500	100	100	100
-	<i>Chi phí khảo sát, thiết kế, ký hợp đồng</i>	300			
-	<i>Chi phí khuyến lâm.</i>	200	100	100	100

2. Đối với các xã còn lại:

a, Trồng rừng kinh doanh gỗ lớn: 8.800.000 đồng, cụ thể:

Đơn vị tính: 1.000 đ/ha

TT	Hạng mục tính	Trồng và chăm sóc rừng năm thứ nhất	Chăm sóc rừng		
			Năm thứ 2	Năm thứ 3	Năm thứ 4
	Tổng mức hỗ trợ theo năm	8.500	100	100	100
1	Chi phí trực tiếp (nhân công, vật tư)	8.000			
2	Chi phí gián tiếp	500	100	100	100
-	<i>Chi phí khảo sát, thiết kế, ký hợp đồng</i>	300			
-	<i>Chi phí khuyến lâm.</i>	200	100	100	100

b, Trồng rừng kinh doanh gỗ nhỏ: 5.800.000 đồng, cụ thể:

Đơn vị tính: 1.000 đ/ha

TT	Hạng mục tính	Trồng và chăm sóc rừng năm thứ nhất	Chăm sóc rừng		
			Năm thứ 2	Năm thứ 3	Năm thứ 4
	Tổng mức hỗ trợ theo năm	5.500	100	100	100
1	Chi phí trực tiếp (nhân công, vật tư)	5.000			
2	Chi phí gián tiếp	500	100	100	100
-	<i>Chi phí khảo sát, thiết kế, ký hợp đồng</i>	300			
-	<i>Chi phí khuyến lâm.</i>	200	100	100	100

Điều 2. Tổ chức thực hiện

- Giao Sở Nông nghiệp và PTNT chủ trì, phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính và các đơn vị liên quan, căn cứ mức hỗ trợ được phê duyệt tại Điều 1 Quyết định này và mục tiêu, chỉ tiêu kế hoạch được Trung ương giao hàng năm gắn với điều kiện cụ thể của từng địa phương trong tỉnh để xây dựng kế hoạch chi tiết, trình UBND tỉnh xem xét, quyết định, triển khai thực hiện.

- Định kỳ hằng năm, các chủ dự án và các đơn vị có liên quan căn cứ tổng mức đầu tư, nguồn vốn, mục tiêu đầu tư được giao để triển khai thực hiện và không được thay đổi mục tiêu hoặc vượt tổng mức đầu tư đã giao; thanh toán, quyết toán vốn đầu tư theo đúng quy định pháp luật.

- Các Sở: Kế hoạch và Đầu tư; Tài chính; Lao động, Thương binh và Xã hội; Ban Dân tộc; Kho bạc Nhà nước tỉnh Thanh Hóa, UBND các huyện, thị xã, thành phố và các đơn vị liên quan căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao, phối hợp với Sở Nông nghiệp và PTNT theo dõi, hướng dẫn, kiểm tra, giám sát và thanh toán, quyết toán vốn đầu tư của các chủ dự án theo đúng quy định pháp luật và các quy định khác có liên quan.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 1467/QĐ-UBND ngày 11/5/2011 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa về việc phê duyệt mức hỗ trợ đầu tư phát triển rừng và bảo vệ rừng giai đoạn 2011 - 2015 trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc sở: Kế hoạch và Đầu tư; Tài chính; Nông nghiệp và PTNT; Lao động, Thương binh và Xã hội; Ban Dân tộc; Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh Thanh Hóa, Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố; các chủ dự án; Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3 QĐ;
 - Các Bộ: NN&PTNT; KH&ĐT; Tài chính (để b/c);
 - TT Tỉnh ủy, HĐND tỉnh (để b/c);
 - Chủ tịch UBND tỉnh (để b/c);
 - Các đơn vị liên quan;
 - Lưu: VT, NN.
- (MC44)

KI. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Đức Quyền